

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nghiêm Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An và bà Vũ Thị Thi

Thư ký phiên tòa: bà Hà Thị Kim Quy là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Hà Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 215/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày ... tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 08/01/1987: CCCD số 068187008381; Địa chỉ: thôn 8 nay là thôn 4, xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: ông Trần Công D, Sinh ngày 08/6/1985; có số CCCD 075085011175; Địa chỉ: thôn 8 nay là thôn 4, xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V (bà V) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà V và ông D đã tự nguyện đến với nhau, có tiến hành đăng ký kết hôn ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể thông cảm, chia sẻ cho nhau; bà V phát hiện

ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông D không thay đổi. Hiện cả hai đã sống ly thân, ông D cứ ít hôm lại bỏ nhà đi rồi lại về; nhận thấy cuộc sống chung như vậy không thể tiếp tục lâu bền, tình cảm giành cho ông D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Trần Công D.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà V và ông D có 03 con chung là Trần Hoàng Huy, sinh ngày 12/9/2010; Trần Nguyễn Quỳnh Như, sinh ngày 20/7/2014; Trần Hoàng Phát, sinh ngày 08/4/2017; khi ly hôn bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 03 con và không yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: bà V xác định bà và ông D không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ ông Trần Công D để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Ông D cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V, cho bà V được ly hôn với ông D. Về con chung: bà V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung là Trần Hoàng H, sinh ngày 12/9/2010; Trần Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 20/7/2014; Trần Hoàng P, sinh ngày 08/4/2017 sau khi ly hôn; nhận thấy con chung hiện đang sống cùng bà V, trong quá trình giải quyết ông D không có ý kiến gì về con chung để đảm bảo cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn của các con chung sau khi bố mẹ ly hôn nên đề nghị hội đồng xét xử giao 03 con chung là Trần Hoàng H, sinh ngày 12/9/2010; Trần Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 20/7/2014; Trần Hoàng P, sinh ngày 08/4/2017 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung và nợ chung: bà V xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: bà V yêu cầu được ly hôn với ông D có nơi cư trú tại tổ Thôn 8 nay là thôn 4, xã Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu được nuôi 03 con

chung là Trần Hoàng Huy, sinh ngày 12/9/2010; Trần Nguyễn Quỳnh Như, sinh ngày 20/7/2014; Trần Hoàng Phát, sinh ngày 08/4/2017. Tại phiên tòa bà V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” và Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết vụ án đồng thời tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông D.

[2] *Về nội dung vụ án:* hôn nhân của bà V và ông D được xác lập tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Madaguoi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi kết hôn bà V, ông D sống tại thị trấn Madaguoi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng; theo bà V trình bày trong thời gian vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể thông cảm, chia sẻ cho nhau. Qua xác minh tại Công an xã Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng thì ông D có đăng ký thường trú tại thôn 8 nay là thôn 4, xã Đa Huoai ông D không cắt khẩu đi đâu. Tòa án đã thực hiện các bước tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông D không có mặt để làm việc theo triệu tập của Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 24/7/2026 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Huoai thể hiện quá trình chung sống giữa bà V và ông D không có mâu thuẫn lớn làm ảnh hưởng đến trật tự lối xóm, ông D hay đi làm nay đây mai đó ít hôm lại về nhà ở ít hôm lại đi. Theo bà V trình bày thì bà V và ông D từ lâu đã không tìm được tiếng nói chung cả hai không quan tâm, không chia sẻ cũng như không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông D không đến Tòa án làm việc cũng như không đưa ra ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V cho thấy ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* bà V và ông D có 03 con chung là Trần Hoàng H, sinh ngày 12/9/2010; Trần Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 20/7/2014; Trần Hoàng P, sinh ngày 08/4/2017. Xét yêu cầu được nuôi ba cháu Huy, Như, Phát của bà V thì thấy rằng: Qua biên bản xác minh thể hiện các con chung hiện đang sống cùng bà V, các cháu đều đã trên 07 tuổi; cháu H học hết lớp 9 hiện đã nghỉ học, cháu Như hiện là học sinh đang học lớp 7 tại trường trung học cơ sở Trần Phú, cháu P đang học lớp 3 tại

trường tiểu học cơ sở Trần Quốc Toàn xã Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Qua lấy ý kiến, cả 03 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, ông D không có ý kiến phản đối cũng như không có tranh chấp về quyền nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần của các cháu, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án giao ba con chung cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do bà V không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà V.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: bà V xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông D không có văn bản thể hiện ý kiến hay yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V đối với bị đơn ông Trần Công D.

1.1. Bà Nguyễn Ngọc V được ly hôn ông Trần Công D.

1.2. Về con chung: giao 03 con chung là Trần Hoàng H, sinh ngày 12/9/2010; Trần Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 20/7/2014; Trần Hoàng P, sinh ngày 08/4/2017 cho bà Nguyễn Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Ngọc V về việc không yêu cầu ông Trần Công D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: bà V xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí:* bà Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai số 0011009 ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng – Phòng Thi hành án dân khu vực 5. Bà V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Trần Công D không phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án, bà V, ông D có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. *Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Văn Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn An – Vũ Thị Thi

Nghiêm Văn Hải

